



Maybank
Kim Eng

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CHỨNG KHOÁN
MAYBANK KIM ENG

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 6 năm 2018

MỤC LỤC

CĂN CỨ PHÁP LÝ	4
Chương I	4
QUY ĐỊNH CHUNG	4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	4
Điều 2. Tên, hình thức pháp lý, trụ sở, mạng lưới hoạt động và thời hạn hoạt động của Công ty ...	5
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật	6
Điều 4. Phạm vi hoạt động kinh doanh	6
Điều 4A. Phát hành chứng quyền có bảo đảm	7
Điều 5. Mục tiêu hoạt động	7
Điều 6. Nguyên tắc hoạt động	7
Điều 7. Quyền của Công ty	8
Điều 8. Nghĩa vụ của Công ty	8
Điều 9. Các quy định về cấm và hạn chế	10
Chương II.....	12
VỐN ĐIỀU LỆ, CHỦ SỞ HỮU	12
Mục 1: VỐN ĐIỀU LỆ.....	12
Điều 10. Vốn điều lệ	12
Điều 11. Chuyển nhượng phần vốn góp.....	12
Điều 12. Cách thức tăng, giảm vốn điều lệ	12
Mục 2: CHỦ SỞ HỮU, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHỦ SỞ HỮU	13
Điều 13. Thông tin về Chủ sở hữu.....	13
Điều 14. Quyền của Chủ sở hữu.....	13
Điều 15. Nghĩa vụ của Chủ sở hữu	14
Chương III	14
QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH CÔNG TY	14
Điều 16. Bộ máy quản trị điều hành của Công ty.....	14
I. Hội đồng thành viên.....	14
Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng thành viên	14
Điều 18. Cuộc họp Hội đồng thành viên.....	15
Điều 19. Điều kiện họp và thể thức tiến hành họp Hội đồng thành viên	16
Điều 20. Thông qua quyết định của Hội đồng thành viên.....	16
Điều 21. Biên bản họp Hội đồng thành viên	17
Điều 22. Chủ tịch Hội đồng thành viên, Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên	17
Điều 23. Bộ phận Kiểm toán nội bộ và Quản trị rủi ro của Hội đồng thành viên	18
II. Ban Tổng Giám đốc.....	19
Điều 24. Thành phần, nghĩa vụ và quyền hạn của Ban Tổng Giám đốc.....	19
Điều 25. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc	20
Điều 26. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc	21
Điều 27. Bộ phận Kiểm soát nội bộ và Quản trị rủi ro trực thuộc Ban Tổng Giám đốc	21
III. Ban Kiểm soát	22
Điều 28. Số lượng thành viên, thành phần và nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát	22
Điều 29. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát.....	22
Điều 30. Cách thức hoạt động và cuộc họp của Ban Kiểm soát.....	23
Điều 31. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát.....	24

Điều 32. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát	24
Chương IV	24
XỬ LÝ MỐI QUAN HỆ VỚI CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN	24
Điều 33. Các tranh chấp có thể xảy ra	24
Điều 34. Cách xử lý, giải quyết tranh chấp	25
Điều 35. Các hợp đồng, giao dịch phải được chấp thuận.....	25
Điều 36. Chế độ báo cáo và công bố thông tin.....	26
Chương V.....	26
QUẢN LÝ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN	26
Điều 37. Năm tài chính	26
Điều 38. Hệ thống kế toán.....	27
Điều 39. Kiểm toán	27
Điều 40. Nguyên tắc phân phối lợi nhuận.....	27
Điều 41. Xử lý lỗ trong kinh doanh	28
Điều 42. Trích lập các quỹ theo quy định	28
Chương VI	28
TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN CÔNG TY	28
Điều 43. Tổ chức lại Công ty.....	28
Điều 44. Giải thể.....	28
Điều 45. Phá sản	28
Chương VII	29
SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG ĐIỀU LỆ.....	29
Điều 46. Bổ sung và Sửa đổi Điều lệ	29
Chương VIII.....	29
HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ.....	29
Điều 47. Ngày hiệu lực	29

CĂN CỨ PHÁP LÝ

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2006, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán.
- Quyết định của Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Chứng khoán Maybank Kim Eng tại Quyết định số 1506-3/18/QĐ-HĐTV ngày 15 tháng 6 năm 2018.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. “Công ty” là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên (TNHH MTV) Chứng khoán Maybank Kim Eng;
 - b. “Vốn điều lệ” là tổng giá trị số vốn do Chủ sở hữu đã góp và được ghi vào Điều lệ Công ty;
 - c. “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2006, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010;
 - d. “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
 - e. “Người quản lý công ty” bao gồm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc chi nhánh và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ này;
 - f. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau theo quy định của Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp;

- g. “Việt Nam” là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - h. “UBCK” là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
2. Trong Điều lệ này, việc tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những văn bản sửa đổi hoặc thay thế của điều khoản hoặc văn bản đó.
 3. Các tiêu đề (Chương, Mục, Điều của Điều lệ) được đưa vào để thuận tiện cho việc theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa, nội dung của Điều lệ.
 4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh.

Điều 2. Tên, hình thức pháp lý, trụ sở, mạng lưới hoạt động và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:
 - a. Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng**
 - b. Tên Tiếng Anh: **Maybank Kim Eng Securities Limited**
 - c. Tên giao dịch viết tắt: **MBKE**
2. Hình thức pháp lý của Công ty:

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên có tư cách pháp nhân được cấp giấy phép thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Chứng khoán và pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở Công ty:
 - a. Địa chỉ trụ sở chính: **Tầng 4A- 15+16 Vincom Center Đồng Khởi, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**
 - b. Điện thoại: +84 28 44 555 888 Fax: +84 28 38 271 030
 - c. Địa chỉ trang web: <https://www.maybank-kimeng.com.vn>
4. Mạng lưới hoạt động:
 - a. Công ty có thể có chi nhánh, phòng giao dịch và văn phòng đại diện để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty, phù hợp với quyết định của Chủ sở hữu, Hội đồng thành viên trong phạm vi pháp luật cho phép;
 - b. Chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện là những đơn vị thuộc Công ty và Công ty phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của mình;
 - c. Công ty chỉ hoạt động kinh doanh chứng khoán, cung cấp dịch vụ chứng khoán tại các địa điểm đặt trụ sở chính, chi nhánh và phòng giao dịch đã được UBCK chấp thuận;
 - d. Tên chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện phải mang tên Công ty kèm theo cụm từ chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và tên riêng để phân biệt.

5. Thời hạn hoạt động:

Thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn, trừ trường hợp chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 1 Điều 44 và Điều 45 của Điều lệ này.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật

1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Tổng Giám đốc Công ty.
3. Trường hợp người đại diện theo pháp luật xuất cảnh khỏi Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ đã ủy quyền.
4. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo khoản 3 Điều này mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng thành viên (được sự chấp thuận của Chủ sở hữu) quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.
5. Trường hợp người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật hoặc bị chết, mất tích, tạm giam, kết án tù, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì Hội đồng thành viên (được sự chấp thuận của Chủ sở hữu) cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty.
6. Trong một số trường hợp đặc biệt người đại diện theo pháp luật do Tòa án có thẩm quyền chỉ định trong quá trình tố tụng tại Tòa án.

Điều 4. Phạm vi hoạt động kinh doanh

1. Nghiệp vụ kinh doanh của Công ty là:
 - a. Môi giới chứng khoán;
 - b. Tự doanh chứng khoán;
 - c. Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
 - d. Tư vấn đầu tư chứng khoán.
2. Ngoài các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán quy định tại khoản 1 Điều này, Công ty được cung cấp dịch vụ lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính, nhận ủy

thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư và các dịch vụ tài chính khác theo quy định của Bộ Tài chính. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Hội đồng thành viên chấp thuận.

3. Công ty có thể bổ sung, rút bớt một hoặc một số nghiệp vụ kinh doanh nêu tại khoản 1 Điều này sau khi được UBCK chấp thuận.

Điều 4A. Phát hành chứng quyền có bảo đảm

1. Chứng quyền có bảo đảm là chứng khoán có tài sản bảo đảm do Công ty phát hành, cho phép người sở hữu được quyền mua (chứng quyền mua) hoặc được quyền bán (chứng quyền bán) chứng khoán cơ sở cho Công ty theo một mức giá đã được xác định trước, tại hoặc trước một thời điểm đã được ấn định, hoặc nhận khoản tiền chênh lệch giữa giá thực hiện và giá chứng khoán cơ sở tại thời điểm thực hiện.
2. Căn cứ quy định của pháp luật và sự chấp thuận của UBCK, Công ty sẽ phát hành chứng quyền có bảo đảm và thực hiện tất cả các nghiệp vụ liên quan đến chứng quyền có bảo đảm. Bên cạnh đó, Công ty sẽ thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ của tổ chức phát hành đối với người sở hữu chứng quyền theo quy định của pháp luật.
3. Người sở hữu chứng quyền là nhà đầu tư sở hữu chứng quyền, đồng thời là chủ nợ có bảo đảm một phần của Công ty và không phải là tổ chức phát hành chứng quyền. Bên cạnh đó, người sở hữu chứng quyền có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và theo nội dung bản cáo bạch của Công ty khi chào bán chứng quyền.

Điều 5. Mục tiêu hoạt động

Mục tiêu hoạt động của Công ty là sử dụng vốn hiệu quả nhằm gia tăng lợi nhuận, phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh, đóng góp cho Ngân sách Nhà nước và các hoạt động cộng đồng nhằm hướng đến mục tiêu chung phát triển xã hội bền vững và thịnh vượng.

Điều 6. Nguyên tắc hoạt động

1. Tuân thủ pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và pháp luật có liên quan;
2. Thực hiện hoạt động kinh doanh một cách công bằng, trung thực;
3. Ban hành quy trình nghiệp vụ, quy trình kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro, quy tắc đạo đức hành nghề phù hợp với nghiệp vụ kinh doanh của Công ty;
4. Đảm bảo nguồn lực về con người, vốn và cơ sở vật chất cần thiết để phục vụ cho

- hoạt động kinh doanh chứng khoán, tuân thủ quy định của pháp luật;
5. Tách biệt về văn phòng làm việc, nhân sự, hệ thống dữ liệu, báo cáo giữa các bộ phận nghiệp vụ để đảm bảo tránh xung đột lợi ích giữa Công ty với khách hàng, giữa khách hàng với nhau. Công ty phải công bố cho khách hàng biết trước về những xung đột lợi ích có thể phát sinh giữa Công ty, người hành nghề và khách hàng;
 6. Bố trí người hành nghề chứng khoán phù hợp với nghiệp vụ hoạt động kinh doanh. Người hành nghề chứng khoán thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán không được đồng thời thực hiện nghiệp vụ môi giới chứng khoán;
 7. Dự báo giá hoặc khuyến nghị giao dịch liên quan đến một loại chứng khoán cụ thể trên các phương tiện truyền thông phải ghi rõ cơ sở phân tích và nguồn trích dẫn thông tin.

Điều 7. Quyền của Công ty

1. Có tất cả các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp nếu các quyền đó không mâu thuẫn với quy định của Luật Chứng khoán;
2. Cung cấp dịch vụ về chứng khoán và các dịch vụ tài chính trong phạm vi pháp luật cho phép;
3. Thực hiện thu phí, lệ phí phù hợp với quy định của Bộ Tài chính;
4. Thực hiện các hoạt động cần thiết khác trong khuôn khổ pháp luật không cấm nhằm đạt được mục tiêu Công ty đã đề ra.

Điều 8. Nghĩa vụ của Công ty

1. Nguyên tắc chung:
 - a. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Thiết lập hệ thống kiểm toán nội bộ, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và giám sát, ngăn ngừa những xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty và trong giao dịch với người có liên quan;
 - c. Tuân thủ các nguyên tắc về quản trị công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
 - d. Tuân thủ các quy định về an toàn tài chính theo quy định của Bộ Tài chính;
 - e. Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp (nếu có) cho nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán tại Công ty hoặc trích lập quỹ bảo vệ nhà đầu tư để bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư do sự cố kỹ thuật hoặc sơ suất của nhân viên;
 - f. Lưu giữ đầy đủ các chứng từ và tài khoản phản ánh chi tiết, chính xác các giao dịch của khách hàng và của Công ty;
 - g. Thực hiện việc bán hoặc cho khách hàng bán chứng khoán khi không sở hữu chứng khoán và cho khách hàng vay chứng khoán để bán theo quy định của Bộ Tài chính;

- h. Tuân thủ các quy định của Bộ Tài chính và UBCK về thực hiện nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán;
 - i. Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê, nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật có liên quan;
 - j. Thực hiện công bố thông tin, báo cáo và lưu trữ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành;
 - k. Đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán theo quy định;
 - l. Bảo đảm quyền và lợi ích của người lao động theo quy định của Luật Lao động, tôn trọng quyền tổ chức Công đoàn theo quy định của pháp luật.
2. Nghĩa vụ đối với Thành viên:
- a. Phân định rõ trách nhiệm giữa Hội đồng thành viên với Chủ tịch Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát để quản lý phù hợp với quy định của pháp luật;
 - b. Thiết lập hệ thống thông tin liên lạc với thành viên để đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ và đối xử công bằng giữa các thành viên, đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của thành viên;
 - c. Không được thực hiện các hành vi sau:
 - Cam kết về thu nhập, lợi nhuận cho các thành viên;
 - Nắm giữ bất hợp pháp các lợi ích, thu nhập của các thành viên;
 - Cung cấp tài chính hoặc bảo lãnh cho các thành viên một cách trực tiếp hoặc gián tiếp; cho vay dưới mọi hình thức đối với Chủ sở hữu, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, các chức danh quản lý khác do Hội đồng thành viên bổ nhiệm và người có liên quan của những đối tượng này;
 - Xâm phạm đến các quyền của thành viên như: quyền sở hữu, quyền giao dịch công bằng, quyền được cung cấp thông tin, các quyền và lợi ích hợp pháp khác.
3. Nghĩa vụ đối với khách hàng:
- a. Luôn giữ chữ tín với khách hàng, không xâm phạm tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp khác của khách hàng;
 - b. Quản lý tách bạch tiền và chứng khoán của từng khách hàng, quản lý tách bạch tiền và chứng khoán của khách hàng với tiền và chứng khoán của Công ty. Mọi giao dịch bằng tiền của khách hàng phải được Công ty thực hiện qua ngân hàng. Không lạm dụng các tài sản do khách hàng ủy thác cho Công ty quản lý và tiền thanh toán giao dịch của khách hàng, chứng khoán của khách hàng lưu ký tại Công ty;
 - c. Ký hợp đồng bằng văn bản với khách hàng khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng; cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin cho khách hàng khi thực hiện dịch vụ mà mình cung cấp;
 - d. Chỉ đưa ra lời tư vấn phù hợp với khách hàng trên cơ sở nỗ lực thu thập

thông tin về khách hàng: thu thập, tìm hiểu thông tin về tình hình tài chính, mục tiêu đầu tư, khả năng chấp nhận rủi ro, kỳ vọng lợi nhuận của khách hàng và cập nhật thông tin theo quy định của pháp luật. Bảo đảm các khuyến nghị, tư vấn đầu tư của Công ty cho khách hàng phải phù hợp với từng khách hàng;

- e. Chịu trách nhiệm về độ tin cậy của những thông tin công bố cho khách hàng. Đảm bảo rằng khách hàng đưa ra các quyết định đầu tư trên cơ sở đã được cung cấp thông tin đầy đủ, bao gồm cả nội dung và rủi ro của sản phẩm, dịch vụ cung cấp. Nghiêm cấm mọi hành vi gian dối và công bố thông tin sai sự thật;
- f. Thận trọng, không tạo ra xung đột lợi ích với khách hàng. Trong trường hợp không thể tránh được, Công ty phải thông báo trước cho khách hàng và áp dụng các biện pháp cần thiết để đảm bảo đối xử công bằng với khách hàng;
- g. Ưu tiên thực hiện lệnh của khách hàng trước lệnh của Công ty;
- h. Thiết lập một bộ phận chuyên trách, chịu trách nhiệm thông tin liên lạc với khách hàng và giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của khách hàng;
- i. Hoàn thành nghĩa vụ của mình với khách hàng một cách tốt nhất;
- j. Bảo mật thông tin của khách hàng:
 - Công ty có trách nhiệm bảo mật các thông tin liên quan đến sở hữu chứng khoán và tiền của khách hàng, từ chối việc điều tra, phong tỏa, cầm giữ, trích chuyển tài sản của khách hàng mà không có sự đồng ý của khách hàng;
 - Quy định tại điểm này không áp dụng trong các trường hợp sau đây:
 - Kiểm toán viên thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty;
 - Cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Điều 9. Các quy định về cấm và hạn chế

1. Quy định đối với Công ty:
 - a. Không được đưa ra nhận định hoặc bảo đảm với khách hàng về mức thu nhập hoặc lợi nhuận đạt được trên khoản đầu tư của mình hoặc bảo đảm khách hàng không bị thua lỗ, ngoại trừ đầu tư vào chứng khoán có thu nhập cố định;
 - b. Không được thỏa thuận hoặc đưa ra lãi suất cụ thể hoặc chia sẻ lợi nhuận/thua lỗ với khách hàng để lôi kéo khách hàng tham gia giao dịch;
 - c. Không được trực tiếp hoặc gián tiếp thiết lập các địa điểm ngoài các địa điểm giao dịch đã được UBCK chấp thuận để ký hợp đồng, nhận lệnh, thực hiện lệnh giao dịch chứng khoán hoặc thanh toán giao dịch chứng khoán với khách hàng;

- d. Không nhận lệnh, thanh toán giao dịch với người khác không phải là người đứng tên tài khoản giao dịch mà không có ủy quyền của khách hàng bằng văn bản;
 - e. Không sử dụng tên hoặc tài khoản của khách hàng để đăng ký, giao dịch chứng khoán;
 - f. Không chiếm dụng chứng khoán, tiền hoặc tạm giữ chứng khoán của khách hàng theo hình thức lưu ký dưới tên Công ty;
 - g. Không được tiết lộ thông tin về khách hàng trừ khi được khách hàng đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;
 - h. Không được thực hiện những hành vi làm cho khách hàng và nhà đầu tư hiểu nhầm về giá chứng khoán;
 - i. Hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán không được chứa đựng những thoả thuận nhằm trốn tránh nghĩa vụ pháp lý của Công ty; hạn chế phạm vi bồi thường của Công ty hoặc chuyển rủi ro từ Công ty sang khách hàng; buộc khách hàng thực hiện nghĩa vụ bồi thường một cách không công bằng và các thoả thuận gây bất lợi một cách không công bằng cho khách hàng.
2. Quy định đối với người hành nghề chứng khoán:
- a. Trừ trường hợp được cử là người đại diện cho phần vốn góp hoặc được cử vào Ban quản lý công ty của tổ chức sở hữu Công ty hoặc tổ chức mà Công ty đầu tư, người hành nghề chứng khoán không được:
 - Đồng thời làm việc cho tổ chức khác có quan hệ sở hữu với Công ty;
 - Đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ khác;
 - Đồng thời làm Giám đốc (Tổng Giám đốc) của một tổ chức chào bán chứng khoán ra công chúng hoặc tổ chức niêm yết;
 - b. Chỉ được mở tài khoản giao dịch chứng khoán cho mình (nếu có) tại Công ty. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp khi Công ty không phải là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán;
 - c. Khi thực hiện các nghiệp vụ của Công ty, người hành nghề chứng khoán là người thay mặt cho Công ty để thực hiện các giao dịch với khách hàng và Công ty phải chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của người hành nghề chứng khoán trong phạm vi công việc được giao. Không được sử dụng tiền, chứng khoán trên tài khoản của khách hàng khi không được Công ty ủy quyền theo sự ủy thác của khách hàng cho Công ty bằng văn bản;
 - d. Tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp, các chính sách, quy định nội bộ của Công ty cũng như các yêu cầu, quy định của pháp luật hiện hành.
3. Quy định đối với thành viên Hội đồng thành viên, Trưởng Ban Kiểm soát, thành viên Ban Tổng Giám đốc:
- a. Thành viên Hội đồng thành viên của Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc (Tổng

- Giám đốc) của công ty chứng khoán khác;
- b. Trưởng Ban Kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát, người quản lý của công ty chứng khoán khác;
 - c. Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc không được đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ hoặc doanh nghiệp khác. Tổng Giám đốc không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác.

Chương II

VỐN ĐIỀU LỆ, CHỦ SỞ HỮU

Mục 1: VỐN ĐIỀU LỆ

Điều 10. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Công ty là 1.056.110.000.000 đồng (một nghìn, không trăm năm mươi sáu tỷ, một trăm mười triệu đồng).

Điều 11. Chuyển nhượng phần vốn góp

1. Công ty có thể chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của mình sau ba (03) năm kể từ ngày được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.
2. Giao dịch làm thay đổi quyền sở hữu phần vốn góp chiếm từ mười phần trăm (10%) trở lên vốn điều lệ đã góp của Công ty phải được UBCK chấp thuận, trừ trường hợp chuyển nhượng theo quyết định của Tòa án.

Điều 12. Cách thức tăng, giảm vốn điều lệ

1. Sau khi chính thức đi vào hoạt động, Công ty có thể tăng, giảm vốn điều lệ theo quyết định của Chủ sở hữu nếu đáp ứng quy định của pháp luật hiện hành.
2. Cách thức tăng vốn điều lệ của Công ty:
 - Tăng vốn góp của Chủ sở hữu;
 - Tiếp nhận vốn góp của thành viên mới;
 - Kết chuyển lợi nhuận để lại, các nguồn vốn hợp lệ khác theo quy định của pháp luật;
 - Chuyển nợ thành vốn góp theo thỏa thuận giữa Công ty và chủ nợ.
3. Việc giảm vốn điều lệ do Chủ sở hữu quyết định nhưng vẫn phải đảm bảo điều kiện về vốn pháp định sau khi giảm vốn theo quy định hiện hành.

Mục 2: CHỦ SỞ HỮU, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Điều 13. Thông tin về Chủ sở hữu

Tên chủ sở hữu: **MAYBANK KIM ENG HOLDINGS LIMITED**

Quốc tịch: Singapore

Giấy phép thành lập: 198900204D

Địa chỉ trụ sở chính: 50 North Canal Road #03-01 Singapore 059304

Điều 14. Quyền của Chủ sở hữu

1. Quyết định nội dung Điều lệ Công ty, sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
2. Quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
3. Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý Công ty, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người quản lý Công ty;
4. Quyết định các dự án đầu tư phát triển có giá trị bằng hoặc lớn hơn năm mươi phần trăm (50%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
5. Thông qua hợp đồng vay, cho vay có giá trị bằng hoặc lớn hơn năm mươi phần trăm (50%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
6. Thông qua các hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn năm mươi phần trăm (50%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
7. Quyết định bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn năm mươi phần trăm (50%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
8. Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ của Công ty; chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của Công ty cho tổ chức, cá nhân khác;
9. Quyết định thành lập/đóng cửa công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện, phòng giao dịch, góp vốn vào công ty khác;
10. Tổ chức giám sát và đánh giá hoạt động kinh doanh của Công ty;
11. Quyết định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Công ty;
12. Quyết định tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản Công ty;
13. Thu hồi toàn bộ giá trị tài sản của Công ty sau khi Công ty hoàn thành giải thể hoặc phá sản;
14. Các quyết định khác có liên quan đến việc quản lý, điều hành công ty và không trái với các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 15. Nghĩa vụ của Chủ sở hữu

1. Góp vốn đầy đủ và đúng hạn vốn Điều lệ Công ty;
2. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật;
3. Phải xác định và tách biệt tài sản của Chủ sở hữu Công ty và tài sản của Công ty;
4. Tuân thủ quy định của pháp luật về hợp đồng và pháp luật có liên quan trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê và các giao dịch khác giữa Chủ sở hữu và Công ty;
5. Chủ sở hữu Công ty chỉ được quyền rút vốn bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác; trường hợp rút một phần hoặc toàn bộ vốn đã góp ra khỏi Công ty dưới hình thức khác thì Chủ sở hữu và cá nhân, tổ chức có liên quan phải liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty;
6. Chủ sở hữu Công ty không được rút lợi nhuận khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
7. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Chương III

QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 16. Bộ máy quản trị điều hành của Công ty

1. Hội đồng thành viên.
2. Ban Tổng Giám đốc.
3. Ban Kiểm soát.

I. Hội đồng thành viên

Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng thành viên

1. Hội đồng thành viên gồm từ ba (03) đến năm (05) thành viên do Chủ sở hữu Công ty bổ nhiệm với nhiệm kỳ ba (03) năm. Chủ sở hữu Công ty có quyền thay đổi thành viên bất cứ khi nào cần thiết. Hội đồng thành viên có thể được Chủ sở hữu bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Hội đồng thành viên nhân danh Chủ sở hữu Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu Công ty, trừ các trường hợp pháp luật và Điều lệ Công ty quy định phải có được Chủ sở hữu Công ty chấp thuận; nhân danh Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc; chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ sở hữu Công ty về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ

- được giao theo quy định của pháp luật.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng thành viên:
 - a. Thiết lập một quy trình chuẩn về triệu tập họp và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng thành viên; phối hợp hoạt động giữa Hội đồng thành viên với Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc.
 - b. Thiết lập các bộ phận hoặc cử người thực hiện nhiệm vụ kiểm toán nội bộ và quản trị rủi ro nhằm quy định chính sách chiến lược quản lý rủi ro trong hoạt động của Công ty và kiểm tra, đánh giá về sự phù hợp, hiệu quả của hệ thống quản trị rủi ro đã được thiết lập trong Công ty.
 3. Trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, Hội đồng thành viên được hưởng thù lao và lợi ích khác cũng như phải thực hiện các trách nhiệm của mình theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp.

Điều 18. Cuộc họp Hội đồng thành viên

1. Số lượng, thời gian, địa điểm họp:
 - a. Hội đồng thành viên tổ chức họp tối thiểu bốn (04) lần trong một năm;
 - b. Cuộc họp của Hội đồng thành viên được tổ chức tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại các địa điểm khác trong hoặc ngoài phạm vi lãnh thổ Việt Nam.
2. Triệu tập họp Hội đồng thành viên:
 - a. Hội đồng thành viên được triệu tập họp theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng thành viên. Chủ tịch Hội đồng thành viên chuẩn bị chương trình, nội dung tài liệu họp và triệu tập họp Hội đồng thành viên. Thành viên có quyền kiến nghị bổ sung nội dung chương trình họp khi cần thiết với lý do cụ thể và gửi kiến nghị cho Chủ tịch Hội đồng thành viên bằng văn bản hoặc qua các phương tiện điện tử chậm nhất một (01) ngày làm việc trước ngày họp. Kiến nghị phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp kiến nghị được đệ trình ngay trước khi họp thì kiến nghị được chấp thuận nếu đa số các thành viên dự họp tán thành;
 - b. Thông báo mời họp Hội đồng thành viên có thể bằng giấy mời, điện thoại, fax hoặc các phương tiện điện tử khác và được gửi trực tiếp cho thành viên. Nội dung thông báo mời họp phải xác định rõ thời gian, địa điểm và chương trình họp. Tài liệu sử dụng trong cuộc họp liên quan đến quyết định về sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, thông qua phương hướng phát triển Công ty, thông qua báo cáo tài chính hằng năm, tổ chức lại hoặc giải thể Công ty phải được gửi đến các thành viên chậm nhất bảy (07) ngày làm việc trước ngày họp. Thời hạn gửi các tài liệu khác là hai (02) ngày làm việc trước ngày họp;
 - c. Trường hợp thành viên yêu cầu họp Hội đồng thành viên thì yêu cầu triệu tập họp và lý do họp phải bằng văn bản hoặc được gửi qua các phương tiện điện tử khác cho Chủ tịch Hội đồng thành viên. Chủ tịch Hội đồng thành viên phải triệu tập họp trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được yêu

cầu. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng thành viên không triệu tập họp Hội đồng thành viên theo quy định thì phải chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật về thiệt hại xảy ra đối với Công ty và các thành viên có liên quan. Trường hợp này, thành viên đã yêu cầu triệu tập họp Hội đồng thành viên có quyền triệu tập họp Hội đồng thành viên và được Công ty hoàn lại chi phí hợp lý cho việc triệu tập họp này.

Điều 19. Điều kiện họp và thể thức tiến hành họp Hội đồng thành viên

Cuộc họp của Hội đồng thành viên được tiến hành khi có ít nhất hai phần ba (2/3) tổng số thành viên dự họp. Mỗi thành viên có một phiếu biểu quyết có giá trị như nhau. Các thành viên có thể đến tham dự họp hoặc tham dự thông qua điện thoại hội nghị theo sự hướng dẫn của Công ty.

Điều 20. Thông qua quyết định của Hội đồng thành viên

1. Hội đồng thành viên thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc thông qua các phương tiện điện tử. Các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng thành viên:
 - a. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
 - b. Quyết định phương hướng phát triển Công ty;
 - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc chi nhánh, Giám đốc Tài chính Kế toán; thông qua đề xuất bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng phòng Kiểm toán nội bộ;
 - d. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
 - e. Thông qua đề xuất mở tài khoản tại các ngân hàng;
 - f. Quyết định thành lập/đóng cửa công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện, phòng giao dịch;
 - g. Tổ chức lại hoặc giải thể Công ty.
2. Quyết định của Hội đồng thành viên được thông qua khi có hơn một nửa số thành viên dự họp tán thành. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, tổ chức lại Công ty phải được ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên dự họp chấp thuận.
3. Thành viên được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng thành viên trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Tham dự và biểu quyết thông qua điện thoại hội nghị.
4. Quyết định của Hội đồng thành viên có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ ngày có hiệu lực được ghi rõ trong Quyết định.

Điều 21. Biên bản họp Hội đồng thành viên

1. Các cuộc họp của Hội đồng thành viên phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu trữ dưới các hình thức điện tử khác.
2. Biên bản họp lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.
3. Biên bản họp Hội đồng thành viên phải làm xong và thông qua ngay trước khi kết thúc cuộc họp. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Thời gian và địa điểm họp; mục đích, chương trình họp;
 - b. Họ, tên của thành viên dự họp; họ và tên của thành viên không dự họp;
 - c. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết; tóm tắt ý kiến phát biểu của thành viên về từng vấn đề thảo luận;
 - d. Tổng số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến đối với từng vấn đề biểu quyết;
 - e. Các quyết định được thông qua;
 - f. Họ, tên, chữ ký của các thành viên hoặc chủ tọa cuộc họp và thư ký cuộc họp.
4. Thư ký cuộc họp và chủ tọa cuộc họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng thành viên.

Điều 22. Chủ tịch Hội đồng thành viên, Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên

1. Chủ tịch Hội đồng thành viên do Chủ sở hữu Công ty bổ nhiệm. Trong trường hợp xét thấy cần thiết, Chủ sở hữu sẽ bổ nhiệm Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên.
2. Chủ tịch Hội đồng thành viên có thể kiêm Tổng Giám đốc Công ty.
3. Nhiệm kỳ của Chủ tịch Hội đồng thành viên là ba (03) năm. Chủ tịch Hội đồng thành viên có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
4. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên:
 - a. Chuẩn bị chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng thành viên;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu họp Hội đồng thành viên hoặc để lấy ý kiến các thành viên;
 - c. Triệu tập và chủ trì cuộc họp Hội đồng thành viên hoặc tổ chức việc lấy ý kiến các thành viên;
 - d. Giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện các quyết định của Hội đồng thành viên;
 - e. Thay mặt Hội đồng thành viên ký các quyết định của Hội đồng thành viên, biên bản kết quả lấy ý kiến Hội đồng thành viên và các giấy tờ khác thuộc thẩm quyền và theo quy định pháp luật.

- f. Thực hiện các nhiệm vụ theo yêu cầu của Chủ sở hữu.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng thành viên vắng mặt hoặc không đủ năng lực để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình thì Chủ tịch Hội đồng thành viên ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên. Trường hợp không có thành viên được ủy quyền thì Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên (nếu có) hoặc một thành viên trong số các thành viên còn lại được Hội đồng thành viên chấp thuận theo nguyên tắc đa số sẽ tạm thời thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên cho đến khi có các quyết định chính thức của Chủ sở hữu.
6. Chủ tịch Hội đồng thành viên phải thực hiện trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng thành viên theo quy định tại Điều 71 Luật Doanh nghiệp.
7. Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 17 Điều lệ này đồng thời thực hiện các công việc, nhiệm vụ theo sự phân công hoặc ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Điều 23. Bộ phận Kiểm toán nội bộ và Quản trị rủi ro của Hội đồng thành viên

1. Bộ phận Kiểm toán nội bộ thực hiện chức năng của mình trên nguyên tắc độc lập, trung thực, khách quan và bảo mật. Các chức năng, nhiệm vụ cụ thể của bộ phận Kiểm toán nội bộ như sau:
 - a. Đánh giá một cách độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật, Điều lệ, các quyết định của Chủ sở hữu, Hội đồng thành viên;
 - b. Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này;
 - c. Đánh giá việc tuân thủ của hoạt động kinh doanh đối với các chính sách và quy trình nội bộ;
 - d. Tham mưu thiết lập các chính sách và quy trình nội bộ;
 - e. Đánh giá việc tuân thủ các quy định pháp luật, kiểm soát các biện pháp đảm bảo an toàn tài sản;
 - f. Đánh giá kiểm toán nội bộ thông qua thông tin tài chính và quá trình kinh doanh;
 - g. Đánh giá quy trình xác định, đánh giá và quản lý rủi ro kinh doanh;
 - h. Đánh giá hiệu quả của các hoạt động;
 - i. Đánh giá việc tuân thủ các cam kết trong hợp đồng;
 - j. Thực hiện kiểm soát hệ thống công nghệ thông tin;
 - k. Điều tra các vi phạm trong nội bộ Công ty;
 - l. Thực hiện kiểm toán nội bộ Công ty.
2. Chức năng và nguyên tắc hoạt động của Bộ phận Quản trị rủi ro:
 - a. Quy định chính sách, chiến lược quản lý rủi ro; các tiêu chuẩn đánh giá rủi ro; mức độ rủi ro tổng thể của Công ty và từng bộ phận trong Công ty;

- b. Đánh giá một cách độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách, quy trình rủi ro đã được thiết lập trong Công ty;
 - c. Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống quản trị rủi ro trực thuộc Ban Tổng Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này.
3. Yêu cầu về nhân sự của Bộ phận Kiểm toán nội bộ:
- a. Không phải là người đã từng bị xử phạt từ mức phạt tiền trở lên đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm trong vòng năm (5) năm gần nhất tính tới năm được bổ nhiệm;
 - b. Trưởng Bộ phận Kiểm toán nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán; Có đủ kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;
 - c. Không phải là người có liên quan đến các trưởng bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc chi nhánh trong Công ty;
 - d. Có Chứng chỉ Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Chứng chỉ Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc Chứng chỉ hành nghề chứng khoán;
 - e. Không kiêm nhiệm các công việc khác trong Công ty.

II. Ban Tổng Giám đốc

Điều 24. Thành phần, nghĩa vụ và quyền hạn của Ban Tổng Giám đốc

1. Ban Tổng Giám đốc gồm có Tổng Giám đốc, (các) Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Tài chính Kế toán và (các) Giám đốc Khối.
2. Thành viên Ban Tổng Giám đốc do Hội đồng thành viên bổ nhiệm hoặc thuê theo hợp đồng lao động với Công ty.
3. Ban Tổng Giám đốc phải thiết lập và duy trì hệ thống thực thi quản trị rủi ro nhằm đảm bảo ngăn ngừa các rủi ro có thể ảnh hưởng tới lợi ích của Công ty và khách hàng; thiết lập và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm cơ cấu tổ chức, nhân sự độc lập và chuyên trách, các quy trình, quy định nội bộ áp dụng đối với tất cả các vị trí, đơn vị, bộ phận và hoạt động của Công ty nhằm bảo đảm mục tiêu theo quy định của pháp luật.
4. Ban Tổng Giám đốc phải xây dựng các quy định làm việc để Hội đồng thành viên thông qua, quy định làm việc tối thiểu phải có các nội dung cơ bản sau đây:
 - Trách nhiệm, nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên Ban Tổng Giám đốc;
 - Quy định trình tự, thủ tục tổ chức và tham gia các cuộc họp;
 - Trách nhiệm báo cáo của Ban Tổng Giám đốc đối với Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát.
5. Tổng Giám đốc là người điều hành mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng thành viên và chịu trách nhiệm trước Hội

đồng thành viên, trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng thành viên;
 - b. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty theo thẩm quyền phê duyệt phân cấp của Công ty;
 - c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, kiến nghị hoặc ban hành quy chế quản lý nội bộ Công ty;
 - e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh phải được Hội đồng thành viên phê duyệt theo quy định tại Điều 20 Điều lệ này;
 - f. Ký kết hợp đồng nhân danh Công ty, trừ trường hợp các hợp đồng thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên;
 - g. Trình báo cáo tài chính hàng năm lên Hội đồng thành viên và Ban Kiểm soát;
 - h. Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i. Tuyển dụng lao động;
 - j. Quyết định tiền lương và các lợi ích khác của người lao động trong Công ty;
 - k. Các quyền và nhiệm vụ khác được quy định tại hợp đồng lao động mà Tổng Giám đốc ký với Công ty hoặc theo yêu cầu/quyết định của Hội đồng thành viên.
6. Quyền lợi và trách nhiệm của thành viên Ban Tổng Giám đốc:
- a. Quyền lợi của các thành viên Ban Tổng Giám đốc:
 - Thành viên Ban Tổng Giám đốc được quyền nhận tiền lương căn cứ trên hợp đồng lao động đã ký kết với Công ty. Các khoản thưởng và quyền lợi khác theo quy định của Tập đoàn.
 - Tiền lương của các thành viên Ban Tổng Giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật và được thể hiện trên báo cáo tài chính của Công ty theo các quy định hiện hành có liên quan.
 - b. Trách nhiệm của thành viên Ban Tổng Giám đốc:
 - Thực hiện trách nhiệm của người quản lý Công ty theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 25. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh của Công ty;
3. Không được đồng thời làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên cho công ty chứng khoán khác; không đồng thời làm việc cho doanh nghiệp khác;

4. Đáp ứng các điều kiện quy định đối với Tổng Giám đốc công ty chứng khoán theo quy định tại các văn bản pháp luật hướng dẫn về tổ chức và hoạt động công ty chứng khoán.

Điều 26. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

1. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều 25 Điều lệ này;
2. Có đơn xin từ chức;
3. Theo quyết định của Chủ sở hữu hoặc Hội đồng thành viên.

Điều 27. Bộ phận Kiểm soát nội bộ và Quản trị rủi ro trực thuộc Ban Tổng Giám đốc

1. Bộ phận Kiểm soát nội bộ có nhiệm vụ kiểm soát tuân thủ những nội dung sau:
 - a. Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Chủ sở hữu, quyết định của Hội đồng thành viên, các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình quản trị rủi ro của Công ty, của các bộ phận có liên quan và của người hành nghề chứng khoán trong Công ty;
 - b. Giám sát thực thi các quy định nội bộ, các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty, đặc biệt đối với các hoạt động kinh doanh của bản thân Công ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên Công ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của cán bộ, nhân viên trong Công ty, thực thi trách nhiệm của đối tác đối với các hoạt động đã ủy quyền;
 - c. Kiểm tra nội dung và giám sát việc thực hiện các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp;
 - d. Giám sát việc tính toán và tuân thủ các quy định đảm bảo an toàn tài chính;
 - e. Tách biệt tài sản của khách hàng;
 - f. Bảo quản, lưu giữ tài sản của khách hàng;
 - g. Kiểm soát việc tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền;
 - h. Những nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Tổng Giám đốc.
2. Yêu cầu về nhân sự của Bộ phận Kiểm soát nội bộ:
 - a. Trưởng bộ phận Kiểm soát nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán; có đủ kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;
 - b. Không phải là người có liên quan đến các trưởng bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc chi nhánh trong Công ty;
 - c. Có Chứng chỉ hành nghề chứng khoán hoặc Chứng chỉ những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán; Chứng chỉ pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;

- d. Không kiêm nhiệm các công việc khác trong Công ty.
3. Nhiệm vụ của hệ thống thực thi quản trị rủi ro:
 - a. Xác định chính sách thực thi và mức độ chấp nhận rủi ro của Công ty;
 - b. Xác định rủi ro của Công ty;
 - c. Đo lường rủi ro;
 - d. Giám sát, ngăn ngừa, phát hiện và xử lý rủi ro.

III. Ban Kiểm soát

Điều 28. Số lượng thành viên, thành phần và nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm Soát gồm từ hai (02) đến năm (05) thành viên. Thành viên Ban Kiểm soát và Trưởng Ban Kiểm soát do Chủ sở hữu Công ty bổ nhiệm.
2. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát là ba (03) năm. Ban Kiểm soát có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bổ nhiệm thì Ban Kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới được bổ nhiệm và nhận nhiệm vụ.
3. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam và không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty cũng như không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính cho Công ty.

Điều 29. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

1. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát:
 - a. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu Công ty và pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ của mình;
 - b. Kiểm tra tính hợp pháp, trung thực và cẩn trọng của Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc trong tổ chức thực hiện quyền Chủ sở hữu, quản lý điều hành công việc kinh doanh của Công ty cũng như các công tác quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ và pháp chế tại Công ty;
 - c. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh; báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, báo cáo kiểm toán, đặc biệt tập trung vào những thay đổi trong các chính sách kế toán, các sự kiện quan trọng, các sự kiện bất thường cũng như việc tuân thủ các quy định, yêu cầu có liên quan về mặt kế toán trước khi trình Chủ sở hữu Công ty hoặc cơ quan Nhà nước có liên quan;
 - d. Kiến nghị Chủ sở hữu Công ty các giải pháp sửa đổi, bổ sung cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành công việc kinh doanh của Công ty;

- e. Xem xét bất kỳ hồ sơ, tài liệu nào của Công ty tại trụ sở chính hoặc chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện. Thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Ban Tổng Giám đốc và lãnh đạo các phòng ban, bộ phận có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin về thực hiện quyền Chủ sở hữu, về quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;
 - f. Soát xét/đánh giá/khuyến nghị (nếu có) phạm vi chương trình, quy trình kiểm toán nội bộ, kết quả kiểm toán nội bộ cũng như các biện pháp khắc phục đã thực hiện có phù hợp với các đề xuất của kiểm toán nội bộ hay không;
 - g. Đánh giá hiệu quả hoạt động, xem xét việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và bãi nhiệm Trưởng phòng Kiểm toán nội bộ;
 - h. Xem xét và đánh giá hiệu quả hoạt động của nhân viên Kiểm toán nội bộ bao gồm các vấn đề về lương thưởng và tăng lương;
 - i. Khuyến nghị (nếu có) về việc đề cử hoặc bổ nhiệm lại công ty Kiểm toán độc lập và phí kiểm toán cũng như các vấn đề liên quan đến việc chấm dứt hoặc thay đổi công ty Kiểm toán độc lập;
 - j. Tham dự và thảo luận tại các cuộc họp Hội đồng thành viên và các cuộc họp khác của Công ty (khi cần thiết);
 - k. Xây dựng quy trình kiểm soát để Chủ sở hữu thông qua;
 - l. Trường hợp phát hiện thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban Tổng Giám đốc vi phạm pháp luật, Điều lệ Công ty dẫn đến xâm phạm quyền và lợi ích của Công ty, Chủ sở hữu hoặc khách hàng thì Ban Kiểm soát có trách nhiệm yêu cầu người có hành vi vi phạm giải trình trong thời hạn nhất định hoặc đề nghị triệu tập họp Hội đồng thành viên để giải quyết. Đối với các vi phạm pháp luật, Ban Kiểm soát phải báo cáo bằng văn bản cho UBCK trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày phát hiện vi phạm;
 - m. Các chức năng, nhiệm vụ khác theo sự phân công/yêu cầu của Chủ sở hữu.
2. Trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, Ban Kiểm soát được hưởng thù lao và lợi ích khác cũng như phải thực hiện trách nhiệm của Kiểm soát viên theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

Điều 30. Cách thức hoạt động và cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát phải ban hành các quy định về cách thức hoạt động và trình tự, thủ tục, cách thức tổ chức cuộc họp của Ban Kiểm soát.
2. Ban Kiểm soát tổ chức họp tối thiểu bốn (04) lần trong một năm.
3. Cuộc họp của Ban Kiểm soát được tổ chức tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại các địa điểm khác trong hoặc ngoài phạm vi lãnh thổ Việt Nam.
4. Cuộc họp của Ban Kiểm soát được tiến hành khi có ít nhất hai phần ba (2/3) tổng số thành viên tham dự.

5. Các thành viên có thể đến tham dự họp hoặc tham dự thông qua điện thoại hội nghị theo sự hướng dẫn của Công ty.

Điều 31. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
2. Không được giữ chức vụ quản lý trong Công ty;
3. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
4. Trưởng Ban Kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát hoặc người quản lý của công ty chứng khoán khác;
5. Có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm thực tế về chứng khoán và thị trường chứng khoán; có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán hoặc trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong các lĩnh vực tài chính, ngân hàng.

Điều 32. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 31 Điều lệ này;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Có đơn xin từ chức và được chấp thuận;
 - d. Theo quyết định của Chủ sở hữu.
2. Thành viên Ban Kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - c. Theo quyết định của Chủ sở hữu.

Chương IV

XỬ LÝ MỐI QUAN HỆ VỚI CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN

Điều 33. Các tranh chấp có thể xảy ra

1. Các trường hợp được xem là tranh chấp giữa Công ty với các đối tác liên quan khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại giữa:

- a. Chủ sở hữu với Công ty hay người quản lý Công ty;
 - b. Khách hàng hoặc các đối tác liên quan khác với Công ty.
2. Nội dung của tranh chấp cần giải quyết: các tranh chấp có liên quan tới hoạt động của Công ty, tới quyền của Chủ sở hữu, thành viên phát sinh từ Điều lệ hoặc từ bất cứ quyền và nghĩa vụ nào do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định.

Điều 34. Cách xử lý, giải quyết tranh chấp

1. Thương lượng và hoà giải: Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng và hoà giải.
2. Đưa ra Trọng tài thương mại hoặc Toà án có thẩm quyền: Trường hợp không thể giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng và hoà giải, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài thương mại hoặc Toà án.
3. Chi phí thương lượng, hoà giải và chi phí của Toà án:
 - a. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải;
 - b. Các chi phí của Toà án sẽ do Toà phán quyết bên nào phải chịu.

Điều 35. Các hợp đồng, giao dịch phải được chấp thuận

1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát xem xét quyết định:
 - a. Chủ sở hữu Công ty và người có liên quan của Chủ sở hữu Công ty;
 - b. Thành viên Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát và người có liên quan của những đối tượng này;
 - c. Người quản lý Chủ sở hữu Công ty, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Chủ sở hữu Công ty và người có liên quan của những đối tượng này.
2. Người ký kết hợp đồng phải thông báo cho Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng giao dịch đó đồng thời gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung giao dịch đó.
3. Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát phải quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo theo nguyên tắc đa số, mỗi người có một (01) phiếu biểu quyết, trong đó người có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.
4. Hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 1 Điều này chỉ được chấp thuận khi có đủ các điều kiện sau đây:
 - a. Các bên ký kết hợp đồng hoặc thực hiện giao dịch là những chủ thể pháp lý độc lập, có quyền, nghĩa vụ, tài sản và lợi ích riêng biệt;
 - b. Giá sử dụng trong hợp đồng hoặc giao dịch là giá thị trường tại thời điểm

- hợp đồng được ký kết hoặc giao dịch được thực hiện;
- c. Chủ sở hữu Công ty tuân thủ đúng nghĩa vụ của Chủ sở hữu quy định tại Luật Doanh nghiệp.

Điều 36. Chế độ báo cáo và công bố thông tin

1. Nghĩa vụ công bố thông tin:
 - a. Công ty phải thực hiện chế độ công bố thông tin, báo cáo định kỳ và bất thường theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền một cách đầy đủ, kịp thời. Công ty chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin, số liệu công bố, báo cáo;
 - b. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những cách thức nhằm đảm bảo cho Chủ sở hữu và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng tại cùng một thời điểm. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu, tránh gây nhầm lẫn.
2. Nội dung công bố thông tin:

Công ty thực hiện công bố thông tin liên quan đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm công bố thông tin định kỳ, công bố thông tin bất thường và công bố thông tin theo yêu cầu của cơ quan quản lý có thẩm quyền theo các quy định pháp luật hiện hành.
3. Tổ chức công bố thông tin: Công ty thực hiện xây dựng và ban hành các quy định về công bố thông tin theo quy định tại Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn. Đồng thời, bổ nhiệm ít nhất một cán bộ chuyên trách về công bố thông tin đáp ứng yêu cầu sau:
 - a. Có kiến thức kế toán, tài chính, có kỹ năng nhất định về tin học;
 - b. Công khai tên, số điện thoại làm việc để có thể dễ dàng liên hệ;
 - c. Có đủ thời gian để thực hiện chức trách của mình.
4. Người công bố thông tin: Việc công bố thông tin phải do người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin do người được ủy quyền công bố.

Chương V

QUẢN LÝ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN

Điều 37. Năm tài chính

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

2. Năm tài chính đầu tiên của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm đó. Trường hợp năm tài chính đầu tiên của Công ty ít hơn bốn (04) tháng, Báo cáo tài chính của năm đó được kiểm toán gộp với Báo cáo của năm tài chính tiếp theo.

Điều 38. Hệ thống kế toán

1. Công ty sử dụng Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán được Bộ Tài chính chấp thuận, tuân thủ các chế độ kế toán dành cho công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản hướng dẫn kèm theo. Công ty phải chịu sự kiểm tra của cơ quan Nhà nước về việc thực hiện chế độ kế toán - thống kê.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu trữ hồ sơ, sổ sách kế toán theo loại hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Hồ sơ, sổ sách kế toán phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và đầy đủ để có thể chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

Điều 39. Kiểm toán

1. Báo cáo tài chính năm, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12, báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 của Công ty phải được một tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán, soát xét theo đúng quy định.
2. Tổ chức kiểm toán độc lập và các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được UBCK chấp thuận và được Hội đồng thành viên phê duyệt. Trong cùng năm tài chính, Công ty không được thay đổi tổ chức kiểm toán đã được chấp thuận, trừ trường hợp Chủ sở hữu thay đổi tổ chức kiểm toán được chấp thuận hoặc tổ chức kiểm toán được chấp thuận bị đình chỉ hoặc bị hủy bỏ tư cách được chấp thuận kiểm toán.
3. Sau khi kết thúc năm tài chính, Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng thành viên và Ban Kiểm soát cùng với thư quản lý (nếu có) trong vòng chín mươi (90) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
4. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi kèm với báo cáo tài chính năm của Công ty.

Điều 40. Nguyên tắc phân phối lợi nhuận

Chủ sở hữu quyết định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

Điều 41. Xử lý lỗ trong kinh doanh

Lỗ năm trước sẽ được chuyển vào năm kế tiếp khi năm kế tiếp đó Công ty kinh doanh có lãi.

Điều 42. Trích lập các quỹ theo quy định

1. Hàng năm, Công ty trích từ lợi nhuận sau thuế để lập các quỹ sau đây:
 - a. Quỹ dự trữ bổ sung vốn Điều lệ;
 - b. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ;
 - c. Các quỹ khác theo quy định của pháp luật.
2. Tỷ lệ trích lập, giới hạn trích lập và việc quản lý, sử dụng các quỹ quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương VI

TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN CÔNG TY

Điều 43. Tổ chức lại Công ty

1. Công ty thực hiện hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi sau khi được UBCK chấp thuận.
2. Trình tự, thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và pháp luật liên quan.

Điều 44. Giải thể

1. Công ty giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau:
 - a. Chủ sở hữu quyết định giải thể Công ty và được UBCK chấp thuận;
 - b. UBCK thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc bị Tòa án tuyên bố phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành.
 - c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và Công ty không đang trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan Trọng tài.
3. Trình tự, thủ tục, hồ sơ giải thể thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 45. Phá sản

Việc phá sản Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.

Chương VII

SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 46. Bổ sung và Sửa đổi Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Hội đồng thành viên Công ty xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong bản Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

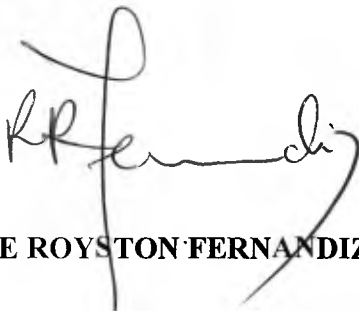
Chương VIII

HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ

Điều 47. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 48 Điều, được Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Chứng khoán Maybank Kim Eng nhất trí thông qua ngày 13 tháng 6 năm 2018 và chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ.
2. Điều lệ này được lập thành một (01) bản chính.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc người đại diện theo pháp luật của Công ty mới có giá trị.
5. Chữ ký của Chủ tịch Hội đồng thành viên và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN



RONNIE ROYSTON FERNANDIZ

TỔNG GIÁM ĐỐC




KIM THIÊN QUANG